

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **636** /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày **13** tháng 02 năm 2018

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án xử lý khẩn cấp sạt lở đê tả sông Hép đoạn qua xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3505/2016/QĐ-UBND ngày 13/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 08/01/2018, số 94/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phân bổ kinh phí khắc phục, sửa chữa các công trình bị thiệt hại do mưa, lũ gây ra từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh và phân bổ kinh phí khắc phục, sửa chữa các công trình bị thiệt hại do mưa bão, lũ quét,... gây ra từ nguồn Trung ương hỗ trợ;

Theo nội dung Công văn số 1255/UBND-NN ngày 31/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương chỉ định thầu từ giai đoạn lập dự án, khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng cho đến giai đoạn hoàn thành công trình xử lý khẩn cấp sạt lở đê tả sông Hép đoạn qua xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của UBND huyện Yên Định tại các Tờ trình số 20, 21/TTr-UBND ngày 06/02/2018 (kèm theo hồ sơ) và Công văn số 406/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 12/02/2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc

phê duyệt dự án xử lý khẩn cấp sạt lở đê tả sông Hép đoạn qua xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự án xử lý khẩn cấp sạt lở đê tả sông Hép đoạn qua xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

1. **Tên dự án:** Xử lý khẩn cấp sạt lở đê tả sông Hép đoạn qua xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

2. **Tên chủ đầu tư:** UBND huyện Yên Định.

3. **Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án:** Công ty TNHH xây dựng An Khánh Hưng.

4. **Mục tiêu đầu tư:** Đảm bảo an toàn và ổn định cho tuyến đê và công trình trên đê theo tiêu chuẩn thiết kế; chủ động phòng chống lũ, bão; bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, kết nối đồng bộ hạ tầng giao thông trong khu vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng dự án.

5. **Quy mô đầu tư và các thông số thiết kế chủ yếu:**

- Xử lý khẩn cấp sạt lở tuyến đê tả sông Hép đoạn qua xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa với chiều dài thiết kế 2.788 m và xây dựng các hạng mục công trình trên tuyến, gồm: 1 tuyến kè tại vị trí xung yếu; 5 công qua đê; làm mới 1 cửa khẩu; xây dựng các điểm tránh xe; các dốc lên xuống đê và dịch chuyển 1 trạm bơm.

- Tần suất chống lũ:  $P = 5\%$ .
- Hệ số an toàn:  $[K] = 1,1$ .
- Mức nước tại đầu tuyến thiết kế:  $(+14.00)$  m.
- Độ cao gia tăng:  $a = 0,2$  m.
- Chiều rộng mặt đê:  $B_n = (3 \div 5)$  m.
- Hệ số mái đê:  $\text{Phía sông } m_s = 2; \text{ phía đồng } m_d = 2$ .

6. **Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật chủ yếu:**

6.1. Nội dung đầu tư:

a) Tuyến đê: Xử lý khẩn cấp sạt lở tuyến đê tả sông Hép đoạn qua xã Yên Tâm, huyện Yên Định với điểm đầu tuyến thiết kế tại K2+082; điểm cuối nối vào tuyến đê sông Hép đoạn xã Yên Giang, huyện Yên Định, với chiều dài thiết kế 2.788 m.

b) Kè bảo vệ mái phía sông: Xây dựng mới 1 tuyến kè tại vị trí K2+105÷K2+190, với chiều dài  $L = 85$  m.

c) Công dưới đê: Làm mới 5 công dưới đê thay thế công cũ đã hư hỏng, sập gãy, gồm:

TT	Vị trí công	Hình thức	Khẩu diện	Ghi chú
1	K2+087,26	Công hộp	(120x140) cm	Làm mới công tiêu
2	K2+117,73	Công tròn	Φ100 cm	nt
3	K3+039,39	Công hộp	(120x140) cm	nt
4	K3+507,74	nt	3x(200x180) cm	nt
5	K4+128,48	nt	3x(200x180) cm	nt

d) Làm mới cửa khẩu tại vị trí K2+98,7.

đ) Xây dựng 8 điểm tránh xe.

e) Dốc lên xuống đê: Xây dựng mới 7 dốc lên xuống đê.

f) Dịch chuyển trạm bơm tiêu tại K3+50,8.

6.2. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a) Tuyến đê: Cơ bản bám theo tuyến đê hiện tại, nắn chỉnh cục bộ một số vị trí để trơn thuận và đảm bảo an toàn giao thông.

- Hoàn thiện mặt cắt đê: Trên cơ sở tuyến đê hiện trạng được tôn cao, áp dụng theo mặt cắt thiết kế bằng đất đắp (khai thác tại mỏ số 45, đồi Đa Nấm, xã Yên Giang) đảm bảo độ chặt yêu cầu  $K \geq 0,95$ ; đoạn đê từ K3+797,52÷K3+512,84 có kết hợp giao thông, mặt đê thiết kế rộng  $B_m = 5$  m được gia cố mặt rộng  $B_{gc} = 4$  m bằng cấp phối đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày 20cm, lề mỗi bên rộng  $B_l = 0,5$  m và đoạn đê từ K3+227,71÷K4+410,74 là đoạn xung yếu có chiều cao đê  $H > 5$  m bố trí cơ đê phía đồng, chiều rộng cơ đê  $B_c = 3$  m. Mái đê phía sông và phía đồng phần đắp mới được trồng cỏ chống xói lở.

- Hoàn trả kênh tưới: Đoạn từ K2+166,41÷K2+646,86 đã được kiên cố giáp chân đê phía đồng được hoàn trả bằng bê tông thường (BTT) do đắp áp trực mở rộng đê về phía đồng sẽ phủ lấp tuyến kênh này.

b) Kè bảo vệ mái đê phía sông: Mái kè được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn kích thước (40x40x16) cm trên lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 hoặc tương đương; chân kè bằng đá hộc xếp chèn chặt.

c) Công dưới đê:

- Công tròn: Thân công bằng ống bê tông ly tâm đặt trên móng bằng bê tông cốt thép (BTCT); tiêu năng, gia cố thượng, hạ lưu bằng BTT. Đóng mở công bằng cửa van phẳng lắp phía sông, vận hành bằng quay tay ổ khóa kiểu trục vít. Kín nước giữa các đơn nguyên bằng khớp nối PVC. Xung quanh thân công được bọc 1 lớp đất sét luyến dày 50 cm.

- Công hộp: Thân công bằng BTCT, cửa vào, cửa ra, dốc nước và bề tiêu năng bằng BTCT; gia cố sân trước cửa vào, sân sau tiêu năng bằng BTT. Đóng

mở công bằng cửa van phẳng lắp phía sông, vận hành bằng quay tay ổ khóa kiểu trục vít. Kín nước giữa các đơn nguyên bằng khớp nối PVC. Xung quanh thân cống được bọc 1 lớp đất sét luyện dày 50 cm.

d) Làm mới cửa khẩu: Cửa khẩu qua đê tại vị trí K2+98,7 bằng BTCT.

đ) Xây dựng điểm tránh xe: Dọc theo chiều dài tuyến đê thiết kế trung bình cứ 300 m bố trí một điểm tránh xe, kết cấu bằng đất đắp (khai thác tại mỏ) đầm nén đảm bảo độ chặt yêu cầu  $K \geq 0,95$ .

e) Dốc lên xuống đê: Thân dốc bằng đất đắp (khai thác tại mỏ) đầm nén đảm bảo độ chặt yêu cầu  $K \geq 0,95$  mái đắp  $m = 1,5$  được trồng cỏ chống xói lở.

f) Dịch chuyển trạm bơm tiêu tại K3+50,8: Nhà cấp IV, diện tích xây dựng  $20 \text{ m}^2$ ; kết cấu kiểu khung cột bằng BTCT, móng bằng đá xây, tường bao che bằng gạch xây, nền nhà lát gạch, cửa đi, cửa sổ bằng gỗ; mái bằng BTCT, chống nóng và chống thấm bằng mái tôn.

7. Nhóm dự án; loại, cấp công trình: Dự án nhóm C; công trình đê điều, cấp V.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

9. Diện tích sử dụng đất: 3,35 ha.

10. Phương án giải phóng mặt bằng: UBND huyện Yên Định tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Tổng mức đầu tư: **32.922,1 triệu đồng;**

*Trong đó:*

Chi phí xây dựng:	24.857,3 triệu đồng;
Chi phí thiết bị:	241,3 triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án:	595,6 triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD:	3.130,4 triệu đồng;
Chi phí khác:	1.905,3 triệu đồng;
Chi phí dự phòng:	2.192,2 triệu đồng.

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

12. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ và nguồn vốn ngân sách tỉnh.

13. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Định trực thuộc UBND huyện Yên Định là đơn vị quản lý thực hiện dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018 - 2020.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đồng ý với đề nghị của UBND huyện Yên Định tại Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 06/02/2018: Ủy quyền cho chủ đầu tư căn cứ quy định của pháp luật, tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh và pháp luật về quyết định của mình.

- Trong giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, yêu cầu chủ đầu tư bổ sung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt vào hồ sơ dự án.

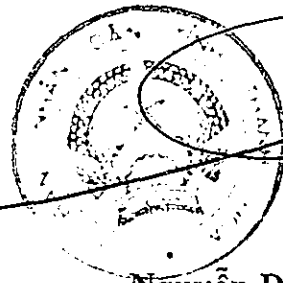
**Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Yên Định và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Quyền**

**PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

Dự án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ sông Hếp đoạn qua xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa  
 ((Kèm theo Quyết định số: **638** /QĐ-UBND ngày **13** tháng **02** năm **2018** của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Tổng mức đầu tư
I	Chi phí xây dựng (Gxd)		24.857,3
II	Chi phí thiết bị (Gtb)		241,3
1	Mua thiết bị		201,087
2	Lắp đặt thiết bị		40,193
III	Chi phí quản lý dự án (Gqlđa)	$2,611\% \times (Gxd+Gtb)/1,1$	595,6
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		3.130,4
A	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư		1.416,396
1	Chi phí khảo sát (Gksda)	Hợp đồng	986,622
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	$3\% \times Gksda$	29,599
3	Chi phí lập dự án đầu tư	Hợp đồng	210,000
4	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Tạm tính	150,000
5	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	$4,072\% \times Gksda$	40,175
B	Giai đoạn thực hiện dự án		1.713,981
1	Chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công (Gksbvtc)	Tạm tính	330,000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công	$3, \% \times Gksbvtc$	9,900
3	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	$2,158\% \times Gxd$	536,411
4	Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	$0,1597\% \times Gxd$	39,699
5	Chi phí thẩm tra dự toán công trình	$0,1546\% \times Gxd$	38,435
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$2,2732\% \times Gxd$	565,058
7	Chi phí giám sát môi trường	Tạm tính	50,000
8	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	$4,072\% \times Gksbvtc$	13,438
9	Chi phí giám sát đánh giá dự án	$20\% \times Gqlđa$	131,041
V	Chi phí khác		1.905,3
1	Chi phí hạng mục chung	$4\% \times Gxd$	994,290
2	Chi phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	$0,0164\% \times TMĐT$	5,388
3	Chi phí thẩm định thiết kế	$0,1121\% \times Gxd$	25,332
4	Chi phí thẩm định dự toán	$0,1081\% \times Gxd$	24,428
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	$0,5497\% \times TMĐT$	180,978
6	Chi phí bảo hiểm công trình	$1,040\% \times (Gxd+Gtb)$	261,025
7	Phí bảo vệ môi trường (Nghị quyết 61/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017)	$2.000 \times KL \text{ đất đào}$ đồng/l m3	403.887
8	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Tạm tính	10,000
VI	Chi phí dự phòng		2.192,2
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	$5\% \times (I+II+III+IV+V)$	1.536,494
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	Chi tiết	655,690
	<b>Tổng cộng</b>		<b>32.922,1</b>